TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HOÀ VANG** **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 76/2022/QĐST-HNGĐ	*Hòa Vang, ngày 23 tháng 8 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/2/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 107/2022/TLST-HNGĐ, ngày 26/7/2022, về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn*", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+ Ông **Trần Minh T**, sinh năm: 1992; Địa chỉ: Thôn Phước Hưng, xã Hòa Nhơn, huyện huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

+ Bà **Trần Thị T**, sinh năm: 1994; Địa chỉ: Tổ 60, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Minh T và bà Trần Thị T đăng ký kết hôn ngày 24/10/2012 tại UBND xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, bất đồng quan điểm. Nay ông T và bà T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về quan hệ con chung: Ông Trần Minh T và bà Trần Thị T xác định có 02 con chung và thỏa thuận về việc nuôi con chung như sau:

Giao con chung Trần Nhật Cường - sinh ngày: 30/01/2012 cho ông T nuôi dưỡng, còn cháu Trần Nhật Anh Quốc - sinh ngày: 10/4/2015 cho bà T nuôi dưỡng. Không ai phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Các bên vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Trần Minh T và bà Trần Thị T xác định không có và không nợ ai.

[4] Về lệ phí giải quyết việc Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đồng, ông Trần Minh T và bà Trần Thị T tự nguyện chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đồng *(ba trăm nghìn đồng)* đã nộp tại biên lai thu số 0004492 ngày 26/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Minh T và bà Trần Thị T thuận tình ly hôn.

+ Về quan hệ con chung: Ông Trần Minh T và bà Trần Thị T xác định có 02 con chung và thỏa thuận về việc nuôi con chung như sau:

Giao con chung Trần Nhật Cường - sinh ngày: 30/01/2012 cho ông T nuôi dưỡng, còn cháu Trần Nhật Anh Quốc - sinh ngày: 10/4/2015 cho bà T nuôi dưỡng. Không ai phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Các bên vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Ông Trần Minh T và bà Trần Thị T xác định không có và không nợ ai nên Tòa án không giải quyết.

2. Lệ phí giải quyết việc Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đồng, ông Trần Minh T và bà Trần Thị T tự nguyện chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đồng *(ba trăm nghìn đồng)* đã nộp tại biên lai thu số 0004492 ngày 26/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Ông T và bà T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Hòa Vang;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- UBND xã Hòa Nhơn, h. Hòa Vang, tp. Đà Nẵng,
(Giấy chứng nhận kết hôn số 121/2012 ngày 24/10/2012);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trần Hoài Sơn